TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ T,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 12 – 2021

"V/v ly hôn giữa chị T1 và anh Th"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Ph

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ta

2. Bà Nguyễn Thị Kim C

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Cẩm T1 (tên gọi khác là Sương), sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 446, tổ 15, ấp Bờ Dâu, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Huỳnh Văn Th, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số 510, tổ 10, ấp Bình Phú 1, xã Phú Bình, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 03/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị Cẩm T1 trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017 qua mai mối chị và anh Th dồng ý kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Bình, huyện Phú T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn 36 ngày 21/4/2017. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 6/2019 phát sinh mâu thuẫn do anh Th thường hay cằn nhằn cho rằng chị không quan tâm gia đình (như không lo cơm nước, ..) và ghen tuông vô cớ, trong khi chị đi làm móng dạo (làm nail), vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và nhiều lần cha mẹ hai bên hàn gắn, nhưng vợ chồng không hàn gắn được do anh Th vẫn như vậy. Từ tháng 3/2021 đến nay vợ chồng ly thân, anh Th có đến thăm con vài lần, nhưng không hàn gắn. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh Th.

+ Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Nhã Hân, sinh ngày 22/11/2018 chị T1 đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con, vì chị có điều kiện nuôi con, chị có nghề làm móng (làm nail) thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng.

+ Về Ca tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 23/11/2021 chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Huỳnh Văn Th (là bị đơn) trình bày:

+ Anh đồng ý với trình bày trên của chị T1 về thời gian sống chung và có đăng ký kết hôn, tháng 6/2019 phát sinh mâu thuẫn do T1 thường hay bỏ về nhà cha mẹ ruột làm gì anh không biết, vợ chồng không có cự cãi, T1 ở luôn bên cha mẹ ruột không về, từ tháng 3/2021 đến nay anh chị ly thân. Nay, chị T1 yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, nếu ly hôn thì phải có điều kiện khi chị T1 có chồng khác anh bắt con lại và khi thăm con anh được mang con về bên anh. Tại phiên tòa anh Th đồng ý ly hôn mà không đưa ra điều kiện trên.

+ Nuôi con chung: anh đồng ý giao con tên Huỳnh Thị Nhã Hân, sinh ngày 22/11/2018 cho chị T1 nuôi dưỡng, anh đề nghị khi thăm con anh được mang con về bên anh và khi chị T1 có chồng khác anh bắt con lại.

+ Ca tài sản và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị Cẩm T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn Th, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân của chị T1 và anh Th là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn và từ tháng 3/2021 đến nay ly thân. Chị T1 yêu cầu ly hôn, anh Th đồng ý ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1, cho ly hôn giữa chị T1 và anh Th.

[2.2] Về nuôi con chung: chị T1 và anh Th có 01 con chung tên Huỳnh Thị Nhã Hân chị T1 đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con, anh Th đồng ý giao con cho chị T1 nuôi. Từ lúc ly thân đến nay chị T1 nuôi con có cuộc sống ổn định, chị có nghề nghiệp và có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hân cho chị T1 trực tiếp nuôi, anh Th không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chị T1 không yêu cầu anh Th cấp dưỡng là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, Ph thức thăm con được thực hiện tại giai đoạn thi hành án; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[7] Về Ca tài sản: Hai bên đương sự khai không có, Tòa án không đề cập.

[8] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị Cẩm T1 (còn gọi là Sương) và anh Huỳnh Văn Th. Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Phú T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Huỳnh Thị Nhã Hân, sinh ngày 22/11/2018 cho chị T1 trực tiếp nuôi, chị T1 đang nuôi dưỡng. Anh Th không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Th không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về Ca tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị T1 phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 04042 ngày 24/6/2021 của C cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Anh Huỳnh Văn Th có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Lê Thị Cẩm T1 (Sương) vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- C cục THADS H. Phú T;
- UBND xã Phú Bình, H.Phú T, AG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Ph